|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM 6** | **MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**  **MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/ Thơ/ Văn nghị luận. | **3** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60%** |
| **2** | **Viết** | Viết được một bài văn nghị luận xã hội | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 40% |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Truyện ngắn** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật…  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | **3 TN** | **4TN 1TL** | **2 TL** | **0** |
| **Thơ** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Hiểu được nội dung chính của văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |
| **Văn nghị luận** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận, các biện pháp tu từ…  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận một tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích tạo lập văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; tác dụng của các biện pháp tu từ; công dụng của dấu câu; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện/ thơ. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN 1TL** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 10**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản: *ĐƯỜNG ĐI HỌC***

*Khúc khuỷu ruột dê ổ gà ổ chó  
Đường dẫn con đi suốt tuổi thơ mình  
Nhiều gai góc nhưng cũng đầy hoa cỏ  
Vui rập rờn theo những cánh bướm xinh…*

*Mười cây số bốn mùa chân xuôi ngược  
Manh áo nghèo mưa nắng bạc tóc hoe  
Không ngăn nổi hồn nhiên chim sáo hót  
Chiều vô tư ngõ đom đóm lập lòe*

*Ôi! Thương quá cái thời cơm cõng củ  
Lén nhìn con cạo rá mẹ thở dài  
Bữa cháo bữa rau qua ngày giáp hạt  
Túc tắc rồi con cũng lớn như ai.*

*Thêm một tuổi là con thêm một lớp  
Bước dài hơn, đi đứng chững chạc hơn  
Con đường cũ mở ra nhiều lối mới  
Cánh bướm xưa vẫn bay lượn chập chờn.*

*Mê lộ đời lắm ngả ngang ngả dọc  
Chợt xênh xang chợt heo hút dặm mòn  
Đường đi học vẫn là đường đẹp nhất  
Sớm muộn về vẫn có mẹ chờ con !*

*18.02.2003*

(Trích Từ khi có phượng,Nguyễn Ngọc Hưng, NXB Hội nhà văn, 2005, tr.7-8)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phong cách ngôn ngữ chính luận | C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật |
| B. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt | D. Phong cách ngôn ngữ khoa học |

**Câu 2.** Từ “*khúc khuỷu*” thuộc từ loại nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Danh từ | B. Động từ | C. Trạng từ | D. Tính từ |

**Câu 3.** Những hình ảnh nào gợi lên vẻ đẹp thơ mộng của con đường đi học?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đầy hoa cỏ, ổ gà ổ chó | C. Đầy hoa cỏ, khúc khuỷu |
| B. Đầy hoa cỏ, những cánh bướm xinh | D. Những cánh bướm xinh, ổ gà ổ chó |

**Câu 4.** Ý nào sau đây **không** thể hiện đúng hoàn cảnh sống của tác giả trong bài thơ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cơ cực, manh áo nghèo | C. Cơ cực, thiếu tình thương |
| B. Thiếu thốn, cơm cõng củ | D. Nghèo khổ, bữa cháo bữa rau |

**Câu 5.** Trong kí ức của tác giả, con đường đi học hiện lên như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Khó khăn, thơ mộng | C. Gai góc, khúc khuỷu |
| B. Khúc khuỷu, huy hoàng | D. Thơ mộng, huy hoàng |

**Câu 6.** Câu thơ “*Không ngăn nổi hồn nhiên chim sáo hót*” gợi ra hình ảnh một cậu bé

|  |  |
| --- | --- |
| A. nhanh nhẹn như chim sáo. | C. hồn nhiên, vô tư. |
| B. đang nhảy chân sáo. | D. lạc quan, ca hát. |

**Câu 7.** Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Kí ức về con đường đi học đầy gian khổ nhưng thơ mộng

B. Kí ức tuổi thơ gian khó gắn với con đường đi học và người mẹ tảo tần

C. Kí ức về những ngày gian khổ và người mẹ tảo tần

D. Kí ức về tuổi thơ hồn nhiên, tinh nghịch bên mẹ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ: “*Ôi ! Thương quá cái thời cơm cõng củ*”.

**Câu 9.**Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả đối với con đường đi học thể hiện trong bài thơ.

**Câu 10.**Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của anh/chị về con đường đi học của mình.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**Đọc truyện ngắn:**

**Nghề của mẹ**

*Mẹ tôi làm nghề bán cá. Mùa nước nổi mẹ bán cá linh. Cá linh đưa lên bờ mau chết dễ sình, nên xuống bến mua cá xong mẹ phải chạy rao bán khắp xóm.*

*Có lần mẹ đội thau cá đứng trước cổng trường tiểu học nơi tôi học, ở ngoài rào mẹ ngoắt tôi đến cốt đưa cho gói xôi, cái bánh…*

*Mấy năm học xa, tôi không cho ai biết mẹ làm nghề bán cá.*

*Nay về, giữa mênh mông đồng nước quê mình, tự thấy như chưa bao giờ tròn chữ hiếu cùng mẹ.*

(Võ Thành An, nguồn *Kiến thức ngày nay* số 404 ngày 06/01/2015)

**Thực hiện yêu cầu:**

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn trên.

================ HẾT =================

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | Hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ “*Ôi! thương quá cái thời cơm cõng củ*”:  - Tạo hình ảnh, cảm xúc cho câu thơ  - Làm nổi bật hoàn cảnh sống nghèo khổ, cơ cực của tác giả  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh chỉ trả lời một trong hai ý 0,25 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 0,5 |
| **9** | Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả đối với con đường đi học thể hiện trong bài thơ:  - Tình cảm gắn bó, yêu thương  - Thái độ trân trọng và tự hào.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0.5 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25* | 1,0 |
| **10** | Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của anh/chị về con đường đi học của mình:  Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau miễn là suy nghĩ tích cực, hợp lí, thuyết phục. Giám khảo cần linh hoạt khi chấm. Sau đây là một số gợi ý :  - Con đường đi học xa xôi, gian khó nhưng nó là con đường đẹp, gắn liền với tuổi thơ.  - Con đường gần gũi, thân thuộc ngay trên chính quê hương mình.  …  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp, thuyết phục, diễn đạt tốt : 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp, thuyết phục, diễn đạt chưa tốt : 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời : 0,0 điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Hình ảnh người mẹ tảo tần, lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó mưu sinh bằng nghề bán cá.  - Người mẹ với tình yêu thương con vô bờ, dẫu nghèo khó vẫn dành những gì tốt đẹp nhất cho con qua hình ảnh gói xôi, cái bánh.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.*  *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* | 2,0 |
|  |  | - Đánh giá chung:  + Nội dung : người mẹ tiêu biểu cho tình mẫu tử thiêng liêng, cao quý, đồng thời thể hiện sự yêu thương, biết ơn và nỗi niềm day dứt của tác giả  + Nghệ thuật: giọng văn nhẹ nhàng thông qua hình thức truyện cực ngắn độc đáo.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý; 0,25 điểm.* | 0,5 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **I + II** |  |  | 10,0 |